



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
**HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Số: 175 /QĐ-HVHKVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên  
trình độ Cao đẳng - Đợt 1/2022

### **GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp 04 (Bốn) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, 01 (Một) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, 02 (Hai) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay, 01 (Một) bằng Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, 08 (Tám) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 1/2022 (Theo danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *BĐ*

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Lưu VT *✓*

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**HỌC VIỆN**  
**HÀNG KHÔNG**  
**VIỆT NAM**  
**TS. Nguyễn Thanh Dũng**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 1/2022**

(Đính kèm quyết định số: 175 /QĐ-HVHKVN ngày 23/03/2022)

| Số TT | Mã SV      | Họ và Tên        |       | Ngày sinh  | Lớp học  | Điểm TN | Xếp loại   | Ghi chú                               |
|-------|------------|------------------|-------|------------|----------|---------|------------|---------------------------------------|
| 1     | 1813120007 | Vũ Bá            | Hiếu  | 24/04/2000 | 18CĐĐV01 | 2.31    | Trung bình | Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD |
| 2     | 1711150008 | Đào Thị Lan      | Anh   | 01/04/1999 | 17CĐTM01 | 2.55    | Khá        | Dịch vụ thương mại hàng không         |
| 3     | 1811150068 | Vũ Nguyễn Đan    | Uyên  | 01/03/2000 | 18CĐTM02 | 2.73    | Khá        | Dịch vụ thương mại hàng không         |
| 4     | 1811150096 | Nguyễn Trần Văn  | Vinh  | 22/08/2000 | 18CĐTM02 | 2.69    | Khá        | Dịch vụ thương mại hàng không         |
| 5     | 1811150103 | Đặng Thị Hà      | Nhi   | 23/08/2000 | 18CĐTM03 | 2.38    | Trung bình | Dịch vụ thương mại hàng không         |
| 6     | 1711210015 | Ngô Đức          | Trung | 13/06/1996 | 17CĐKL01 | 2.47    | Trung bình | Kiểm soát không lưu                   |
| 7     | 1811210005 | Hoàng Bùi Phương | Anh   | 06/02/2000 | 18CĐKL01 | 2.31    | Trung bình | Kiểm soát không lưu                   |
| 8     | 1811210022 | Nguyễn Thị       | Huệ   | 07/04/2000 | 18CĐKL01 | 2.95    | Khá        | Kiểm soát không lưu                   |
| 9     | 1811210049 | Bùi Vĩnh         | Nghi  | 31/01/2000 | 18CĐKL01 | 2.95    | Khá        | Kiểm soát không lưu                   |
| 10    | 1811210013 | Phan Chí         | Tài   | 10/09/2000 | 18CĐKL01 | 3.21    | Giỏi       | Kiểm soát không lưu                   |
| 11    | 1811210029 | Nguyễn Mỹ Lan    | Tiên  | 01/01/2000 | 18CĐKL01 | 3.18    | Khá        | Kiểm soát không lưu                   |
| 12    | 1811210004 | Lê Hoàng Thanh   | Tú    | 24/05/2000 | 18CĐKL01 | 2.61    | Khá        | Kiểm soát không lưu                   |
| 13    | 1811210019 | Hoàng Phụng      | Vi    | 29/07/2000 | 18CĐKL01 | 2.77    | Khá        | Kiểm soát không lưu                   |
| 14    | 1711010042 | Phạm Văn         | Hải   | 20/08/1995 | 17CĐAN01 | 2.71    | Khá        | Kiểm tra an ninh hàng không           |
| 15    | 1811020002 | Nguyễn Thái      | Dương | 23/08/2000 | 18CĐCK01 | 2.07    | Trung bình | Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay     |
| 16    | 1811020011 | Nguyễn Đức       | Thắng | 20/09/1999 | 18CĐCK01 | 2.06    | Trung bình | Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay     |

Tổng cộng danh sách này có 16 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

Trong đó:

- Khóa 2017 - 2020: 03 SV
- Khóa 2018 - 2021: 13 SV

